

Bản án số: 367/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2021

V/v Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn H Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Nguyễn Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 321/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/12/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Mộng Đ, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Tổ 10, thôn La Bông, xã Hòa Tiến, Hòa Vang, tp, Đà Nẵng. Đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Phú H, sinh năm: 1984. Địa chỉ: đường Đ, Tổ 49, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng. Đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Đ và ông Đặng Phú H kết hôn vào năm 2010, có Giấy đăng ký kết hôn số 49 ngày 12/5/2010 do Ủy ban nhân dân phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng cấp. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: đường Đ, Tổ 49, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, đến khoảng tháng 05/2012 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Ông H nhiều lần đánh đập bà nên bà đã về nhà mẹ đẻ sống từ năm 2012 đến nay. Bà nhận thấy rằng quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, tình cảm phai nhạt nên gia đình không hạnh phúc. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Đặng Phú H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung: cháu Đặng Phú M, sinh ngày:

13/8/2011 và cháu Đặng Thị Phú T, sinh ngày: 16/3/2010. Ly hôn, bà Đ có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Thị Phú T và ông Đặng Phú H nuôi dưỡng cháu Đặng Phú M cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: ông bà không có nợ ai và không ai nợ ông bà.

Theo bản tự khai ngày 15/12/2021, ông Đặng Phú H trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Đ về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đ. Về con chung, ông H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu M còn bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bên nào. Đồng thời, ông H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông.

Tại bản trình bày của cháu Đặng Thị Phú T thì sau khi ông H và bà Đ ly hôn thì cháu T có nguyện vọng được ở với bà Đ.

Tại bản trình bày của cháu Đặng Phú M thì sau khi ông H và Đ ly hôn thì cháu M có nguyện vọng được ở với ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2021 thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H và yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 BLTTDS và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, nuôi con chung*”.

[1.2] Về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn ông Đặng Phú H cư trú tại địa chỉ: đường Đ, Tổ 49, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ có thẩm quyền giải quyết.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn bà Ngô Thị Mộng Đ và bị đơn ông Đặng Phú H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Ngô Thị Mộng Đ và ông Đặng Phú H tự nguyện kết hôn vào năm năm 2010, có Giấy đăng ký kết hôn số 49 ngày 12/5/2010 do Ủy ban nhân dân

phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng cấp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian tại đường Đ, tổ 49, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng từ năm 2010. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, đến khoảng tháng 05/2012 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn và ông bà không sống chung với nhau năm 2012 đến nay. Điều này trái với nghĩa vụ vợ chồng được quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông bà đều nhận thấy rằng quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, tình cảm phai nhạt nên gia đình không hạnh phúc. Nay ông bà đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà đều có nguyện vọng được ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Đ và ông H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông bà đều thống nhất ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị Mộng Đ đối với ông Đặng Phú H.

[3] Về con chung và cấp dưỡng: bà Ngô Thị Mộng Đ và ông Đặng Phú H có 02 con chung, gồm: cháu Đặng Phú M, sinh ngày: 13/8/2011 và cháu Đặng Thị Phú T, sinh ngày: 16/3/2010. Ly hôn, bà Đ có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Thị Phú T và ông Đặng Phú H nuôi dưỡng cháu Đặng Phú M cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại bản trình bày của ông H thống nhất với bà Đ về nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Cháu T cũng có bản trình bày nguyện vọng được sống chung với bà Đ và cháu M có bản trình bày được sống chung với ông H, sau khi ông H và bà Đ ly hôn. Do đó, để đảm bảo tính ổn định và những quyền lợi tốt nhất cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Đ, tiếp tục giao cháu Đặng Thị Phú T cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đặng Phú M cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bên nào.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ và ông H xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Ngô Thị Mộng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Mộng Đ đối với ông Đặng Phú H về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Mộng Đ được ly hôn với ông Đặng Phú H (Giấy đăng ký kết hôn số 49 ngày 12/5/2010 do Ủy ban nhân dân phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng).

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Phú T, sinh ngày: 16/3/2010 cho bà Ngô Thị Mộng Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Đặng Phú M, sinh ngày: 13/8/2011 cho ông Đặng Phú H trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bên nào.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Thị Mộng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001639 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND P. Hòa Thọ Đông;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn H Hưng